

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo vệ

Tháng 8 năm 2022

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Giờ PN	PC BCHQ S	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ												Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	X L	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2022	Tham quan	Phí ở chung cư	Trừ ăn TD				
1	01	Tổ quản lý			116			73.107.000			19	8.279.472				655.600	2.212.283	84.254.355	4.717.400	884.700	589.900		727.800	275.000		1.463.806				8.658.606	75.595.749		
1	HL-01977	Trần Đại Nghĩa	Trưởng phòng	11.446.000	21	A		13.540.000			6	2.641.385						16.181.385	915.700	171.700	114.500		149.000	55.000		404.041				1.809.941	14.371.444		
2	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	11.544.610	20	A		14.123.000			7	3.108.164				327.800	808.123	18.367.087	1.008.500	189.100	126.100		149.000	55.000		237.466				1.765.166	16.601.921		
3	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	10.963.000	21	A		14.123.000			6	2.529.923					480.000	17.132.923	915.500	171.700	114.500		149.000	55.000		212.233				1.617.933	15.514.990		
4	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	11.534.950	27	A		17.198.000								327.800	724.160	18.249.960	1.007.000	188.900	125.900		149.000	55.000		610.066				2.135.866	16.114.094		
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	10.683.000	27	A		14.123.000									200.000	14.323.000	870.700	163.300	108.900		131.800	55.000						1.329.700	12.993.300		
2	08	Tổ chuyên viên			98			38.381.000	7	1.409.962	2	535.923	1	350.000	63.458	298.000		41.038.343	1.897.800	356.000	237.300		385.500	220.000			2.776.800			5.873.400	35.164.943		
6	HL-00153	Đỗ Mạnh Tường	Chuyên viên	5.609.000	27	A		10.967.000										10.967.000	448.800	84.200	56.100		103.800	55.000						747.900	10.219.100		
7	HL-06523	Dương Đình Thảo	Nhân viên	6.967.000	25	A		9.138.000			2	535.923				149.000		9.822.923	569.300	106.800	71.200		90.800	55.000			1.388.400			2.281.500	7.541.423		
8	HL-06190	Trần Nhật Nam	Chuyên viên	5.237.000	19	A		9.138.000	7	1.409.962			1	350.000		149.000		11.046.962	430.900	80.800	53.900		104.800	55.000			1.388.400			2.113.800	8.933.162		
9	HL-00934	Đỗ Phương Anh	Chuyên viên	5.609.000	27	A		9.138.000							63.458			9.201.458	448.800	84.200	56.100		86.100	55.000						730.200	8.471.258		
3	20	Tổ bảo vệ			371		125.634	125.634.000	17	4.039.462	6	989.885	11	4.400.000	32.757	372.500	1.800.000	137.268.604	7.002.500	1.313.400	876.100		1.280.800	825.000		71.097		888.200	520.000	12.777.097	124.491.507		
10	HL-04220	Nguyễn Thị Quyên	NV bảo vệ	4.982.000	17	A	4.455	4.455.000			10	1.916.154			32.757			6.403.911	398.600	74.800	49.900		58.800	55.000						637.100	5.766.811		
11	HL-00158	Bùi Văn Vượng	Đội trưởng bảo vệ	6.401.500	27	A	11.211	11.211.000			-2	-492.423	2	800.000		223.500	200.000	11.942.077	546.100	102.400	68.300		112.300	55.000		71.097				955.197	10.986.880		
12	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	6.178.000	27	A	8.415	8.415.000									200.000	8.615.000	510.300	95.700	63.800		79.500	55.000						804.300	7.810.700		
13	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.491.000	27	A	7.425	7.425.000									200.000	7.625.000	455.300	85.400	57.000		70.300	55.000				203.200		926.200	6.698.800		
14	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	6.178.000	27	A	10.575	10.575.000									200.000	10.775.000	510.300	95.700	63.800		101.100	55.000				323.000		1.148.900	9.626.100		
15	HL-02826	Đinh Vĩnh Thành	Bảo vệ cơ động	5.978.000	27	A	12.732	12.732.000										12.732.000	478.300	89.700	59.800		121.000	55.000						803.800	11.928.200		
16	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	8.955	8.955.000										8.955.000	423.300	79.400	53.000		84.000	55.000						694.700	8.260.300		
17	HL-00161	Đỗ Trọng Huân	Tổ trưởng cơ động	5.640.000	20	A	10.716	10.716.000			-2	-433.846	9	3.600.000		149.000	200.000	14.231.154	479.200	89.900	59.900		136.000	55.000						820.000	13.411.154		
18	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	5.491.000	27	A	9.900	9.900.000									200.000	10.100.000	455.300	85.400	57.000		95.000	55.000						747.700	9.352.300		
19	HL-01011	Nguyễn Văn Lê	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	6.765	6.765.000										6.765.000	478.300	89.700	59.800		61.400	55.000						744.200	6.020.800		
20	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.491.000	27	A	7.920	7.920.000									200.000	8.120.000	455.300	85.400	57.000		75.200	55.000						727.900	7.392.100		
21	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.491.000	27	A	9.900	9.900.000									200.000	10.100.000	455.300	85.400	57.000		95.000	55.000						747.700	9.352.300		
22	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	6.765	6.765.000										6.765.000	423.300	79.400	53.000		62.100	55.000						672.800	6.092.200		
23	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	6.178.000	10	A	2.970	2.970.000	17	4.039.462							200.000	7.209.462	510.300	95.700	63.800		65.400	55.000				362.000	520.000	1.672.200	5.537.262		
24	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	6.930	6.930.000										6.930.000	423.300	79.400	53.000		63.700	55.000						674.400	6.255.600		
4	21	Tổ bảo vệ KV Khe Sim - Chung cư HR			219		105.296	105.296.000	17	3.748.885	15	3.448.846	14	5.600.000		804.600		118.898.331	4.813.800	903.000	602.200		1.125.300	550.000		102.387		309.000		8.405.687	110.492.644		
25	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	6.127.000	20	A	12.656	12.656.000					7	2.800.000		149.000		15.605.000	502.100	94.200	62.800		149.000	55.000						863.100	14.741.900		
26	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	10.080	10.080.000										10.080.000	423.300	79.400	53.000		95.200	55.000						705.900	9.374.100		
27	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	6.996.800	22	A	13.400	13.400.000								178.800		13.578.800	574.100	107.700	71.800		128.300	55.000						936.900	12.641.900		
28	HL-00216	Đặng Tài Tuệ	NV bảo vệ	5.978.000	22	A	11.132	11.132.000			5	1.149.615						12.281.615	478.300	89.700	59.800		116.500	55.000		102.387				901.687	11.379.928		
29	HL-00279	Cao Văn Trường	Tổ trưởng cơ động	6.127.000	20	A	10.567	10.567.000					7	2.800.000		149.000		13.516.000	502.100	94.200	62.800		128.600	55.000						842.700	12.673.300		
30	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	6.156.800	27	A	12.888	12.888.000								178.800		13.066.800	506.900	95.100	63.400		124.000	55.000				309.000		1.153.400	11.913.400		

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT UCSC		Giờ PN	PC BCHQ S	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ											Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Cô ng	X L	Điểm SP	Lương	Cô ng	Lương	Cô ng	Lương	Cô ng	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2022	Tham quan	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ			
31	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	10.950	10.950.000										10.950.000	423.300	79.400	53.000		103.900	55.000						714.600	10.235.400	
32	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	6.127.000	18	A	11.742	11.742.000	9	2.120.885						149.000		14.011.885	502.100	94.200	62.800		133.500	55.000						847.600	13.164.285	
33	HL-03004	Nguyễn Hồng Cường	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	7.673	7.673.000	8	1.628.000								9.301.000	423.300	79.400	53.000		87.500	55.000						698.200	8.602.800	
34	HL-05488	Nguyễn Văn Tuấn	NV bảo vệ	5.978.000	17	A	4.208	4.208.000			10	2.299.231						6.507.231	478.300	89.700	59.800		58.800	55.000						741.600	5.765.631	
5	23	Tổ bảo vệ KV Khe Chàm			917		349.660	349.660.000	87	18.853.963	53	11.577.385	14	5.600.000	190.216	476.800	200.000	386.558.364	17.549.600	3.291.800	2.195.500		3.627.800	2.200.000	1.430.000	107.035	4.592.000	1.172.200		36.165.935	350.392.429	
35	HL-00186	Trần Văn Niêm	Gác cửa lò	5.978.000	10	A	4.290	4.290.000										4.290.000					42.900	55.000						97.900	4.192.100	
36	HL-04295	Nguyễn Văn Thuận	NV bảo vệ	7.051.000	13	A	3.300	3.300.000										3.300.000					25.600							25.600	3.274.400	
37	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	27	A	8.003	8.003.000										8.003.000	398.600	74.800	49.900		74.800	55.000	57.200					710.300	7.292.700	
38	HL-04130	Hoàng Thị Hữu Tinh	Gác cửa lò	5.978.000	27	A	9.240	9.240.000							64.167			9.304.167	478.300	89.700	59.800		86.800	55.000						769.600	8.534.567	
39	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.978.000	27	A	10.973	10.973.000										10.973.000	478.300	89.700	59.800		103.500	55.000						786.300	10.186.700	
40	HL-02783	Lê Tiến Hưng	Gác cửa lò	5.978.000	27	A	9.983	9.983.000										9.983.000	478.300	89.700	59.800		93.600	55.000						776.400	9.206.600	
41	HL-02759	Cao Bích Nguyệt	Gác cửa lò	4.982.000	27	A	9.240	9.240.000							64.167			9.304.167	398.600	74.800	49.900		87.800	55.000			2.000.000			2.666.100	6.638.067	
42	HL-01919	Bùi Công Duẩn	Gác cửa lò	5.978.000	27	A	9.488	9.488.000										9.488.000	478.300	89.700	59.800		88.600	55.000				351.000		1.122.400	8.365.600	
43	HL-00506	Hoàng Hữu Sơn	Gác cửa lò	5.978.000	19	A	5.528	5.528.000	3	689.769								6.217.769	478.300	89.700	59.800		55.900	55.000						738.700	5.479.069	
44	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.491.000	27	A	11.468	11.468.000									200.000	11.668.000	455.300	85.400	57.000		110.700	55.000						763.400	10.904.600	
45	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.959.000	20	A	11.112	11.112.000			-2	-381.462	9	3.600.000		149.000		14.479.538	408.700	76.700	51.100		139.400	55.000				309.000		1.039.900	13.439.638	
46	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	Đội phó bảo vệ	5.469.800	27	A	11.132	11.132.000								178.800		11.310.800	451.900	84.800	56.500		107.200	55.000						755.400	10.555.400	
47	HL-02977	Đào Thị Bích	NV bảo vệ	6.184.000	17	A	4.208	4.208.000			10	2.378.462			30.941			6.617.403	494.800	92.800	61.900		59.700	55.000			1.500.000			2.264.200	4.353.203	
48	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	9.119	9.119.000										9.119.000	478.300	89.700	59.800		84.900	55.000						767.700	8.351.300	
49	HL-02185	Đỗ Bích Phượng	NV bảo vệ	4.982.000	17	A	4.208	4.208.000			10	1.916.154			30.941			6.155.095	398.600	74.800	49.900		56.300	55.000						634.600	5.520.495	
50	HL-01495	Bùi Văn Ngạn	NV bảo vệ	5.978.000	17	A	6.023	6.023.000			10	2.299.231						8.322.231	478.300	89.700	59.800		76.900	55.000						759.700	7.562.531	
51	HL-01404	Đặng Mạnh Tuấn	NV bảo vệ	4.982.000	17	A	9.119	9.119.000	10	1.916.154								11.035.154	398.600	74.800	49.900		105.100	55.000	314.600					998.000	10.037.154	
52	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.240	9.240.000										9.240.000	423.300	79.400	53.000		86.800	55.000						697.500	8.542.500	
53	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.158	9.158.000										9.158.000	423.300	79.400	53.000		86.000	55.000				309.000		1.005.700	8.152.300	
54	HL-00484	Nguyễn Trung Phương	NV bảo vệ	5.978.000	18	A	8.498	8.498.000	9	2.069.308								10.567.308	478.300	89.700	59.800		99.400	55.000						782.200	9.785.108	
55	HL-00493	Hoàng Minh Hoài	NV bảo vệ	5.978.000	22	A	9.768	9.768.000			5	1.149.615						10.917.615	478.300	89.700	59.800		102.900	55.000						785.700	10.131.915	
56	HL-00814	Nguyễn Anh Tuấn	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	9.488	9.488.000										9.488.000	478.300	89.700	59.800		88.600	55.000	28.600					800.000	8.688.000	
57	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	5.291.000	17	A	9.119	9.119.000	10	2.035.000								11.154.000	423.300	79.400	53.000		106.000	55.000	314.600					1.031.300	10.122.700	
58	HL-01856	Đoàn Nguyễn Thứ	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.119	9.119.000										9.119.000	423.300	79.400	53.000		85.600	55.000						696.300	8.422.700	
59	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.978.000	20	A	9.119	9.119.000	7	1.609.462								10.728.462	478.300	89.700	59.800		101.000	55.000	228.800					1.012.600	9.715.862	
60	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.488	9.488.000										9.488.000	423.300	79.400	53.000		89.300	55.000						700.000	8.788.000	
61	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	6.184.000	27	A	11.690	11.690.000										11.690.000	494.800	92.800	61.900		110.400	55.000			546.000			1.360.900	10.329.100	
62	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.978.000	18	A	8.663	8.663.000	9	2.069.308								10.732.308	478.300	89.700	59.800		101.000	55.000			546.000			1.329.800	9.402.508	
63	HL-03313	Ngô Văn Hoàng	NV bảo vệ	5.291.000	18	A	8.745	8.745.000	9	1.831.500								10.576.500	423.300	79.400	53.000		100.200	55.000						710.900	9.865.600	
64	HL-04096	Nguyễn Khắc Kiên	NV bảo vệ	5.978.000	17	A	5.198	5.198.000			10	2.299.231						7.497.231	478.300	89.700	59.800		68.700	55.000	57.200					808.700	6.688.531	
65	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	Tổ trưởng bảo vệ	5.978.000	22	A	8.008	8.008.000					5	2.000.000				10.008.000	478.300	89.700	59.800		93.800	55.000	114.400					891.000	9.117.000	
66	HL-06960	Đoàn Tuấn Anh	NV bảo vệ	4.810.000	27	A	11.112	11.112.000										11.112.000	384.900	72.200	48.200		106.100	55.000		107.035				773.435	10.338.565	
67	HL-07569	Bùi Thanh Giang	NV bảo vệ	4.982.000	17	A	5.445	5.445.000			10	1.916.154						7.361.154	398.600	74.800	49.900		68.400	55.000				203.200		849.900	6.511.254	
68	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.978.000	17	A	8.498	8.498.000	10	2.299.231								10.797.231	478.300	89.700	59.800		101.700	55.000	314.600					1.099.100	9.698.131	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT UCSC		Giờ PN	PC BCHQ S	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ											Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Cô ng	X L	Điểm SP	Lương	Cô ng	Lương	Cô ng	Lương	Cô ng	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	Truy thu BHXH	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2022	Tham quan	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ			
69	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.083	9.083.000										9.083.000	423.300	79.400	53.000		85.300	55.000						696.000	8.387.000	
70	HL-02152	Đào Văn Bình	Tổ trưởng bảo vệ	6.127.000	27	A	9.666	9.666.000								149.000		9.815.000	502.100	94.200	62.800		91.600	55.000						805.700	9.009.300	
71	HL-02804	Lê Khắc Đạo	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.666	9.666.000										9.666.000	423.300	79.400	53.000		91.100	55.000						701.800	8.964.200	
72	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.978.000	17	A	9.083	9.083.000	10	2.299.231								11.382.231	478.300	89.700	59.800		107.500	55.000						790.300	10.591.931	
73	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	8.250	8.250.000										8.250.000	478.300	89.700	59.800		76.200	55.000						759.000	7.491.000	
74	HL-02805	Vũ Nhiên Tân	NV bảo vệ	5.291.000	17	A	9.119	9.119.000	10	2.035.000								11.154.000	423.300	79.400	53.000		106.000	55.000						716.700	10.437.300	
75	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	27	A	8.003	8.003.000										8.003.000	423.300	79.400	53.000		74.500	55.000						685.200	7.317.800	
6	24	Tổ bảo vệ KV Tân Lập			535		213.466	213.466.000	12	2.759.077	20	4.598.461				447.000	200.000	221.470.538	9.479.700	1.778.100	1.186.100	89.670	2.090.200	1.155.000	2.545.400	291.030	1.388.400	937.000		20.940.600	200.529.938	
76	HL-05731	Nguyễn Chí Ngọc	Gác cửa lò	5.978.000	27	A	8.745	8.745.000										8.745.000	478.300	89.700	59.800		81.200	55.000	85.800					849.800	7.895.200	
77	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.491.000	27	A	9.900	9.900.000									200.000	10.100.000	455.300	85.400	57.000		95.000	55.000	114.400			305.000		1.167.100	8.932.900	
78	HL-02312	Tổng Văn Đăng	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	9.075	9.075.000										9.075.000	478.300	89.700	59.800		84.500	55.000	143.000			323.000		1.233.300	7.841.700	
79	HL-01912	Phạm Quang Tuyền	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	13.230	13.230.000										13.230.000	423.300	79.400	53.000		126.700	55.000	85.800	291.030				1.114.230	12.115.770	
80	HL-01502	Nguyễn Đình Luận	Gác cửa lò	4.982.000	27	A	7.673	7.673.000										7.673.000	398.600	74.800	49.900		71.500	55.000	28.600					678.400	6.994.600	
81	HL-01331	Bùi Văn Diễm	Gác cửa lò	5.978.000	15	A	4.290	4.290.000	12	2.759.077								7.049.077	478.300	89.700	59.800	89.670	64.200	55.000	57.200					893.870	6.155.207	
82	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.900	9.900.000										9.900.000	423.300	79.400	53.000		93.400	55.000	114.400					818.500	9.081.500	
83	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	5.440.000	27	A	13.230	13.230.000								149.000		13.379.000	447.200	83.900	55.900		127.900	55.000	143.000					912.900	12.466.100	
84	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội trưởng bảo vệ	6.482.000	27	A	14.468	14.468.000								298.000		14.766.000	542.500	101.800	67.900		140.500	55.000	114.400		1.388.400			2.410.500	12.355.500	
85	HL-02396	Dương Viết Tuyền	NV bảo vệ	5.978.000	22	A	13.650	13.650.000			5	1.149.615						14.799.615	478.300	89.700	59.800		141.700	55.000	257.400					1.081.900	13.717.715	
86	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	27	A	11.052	11.052.000										11.052.000	423.300	79.400	53.000		105.000	55.000	143.000			309.000		1.167.700	9.884.300	
87	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	10.982	10.982.000										10.982.000	423.300	79.400	53.000		104.300	55.000	114.400					829.400	10.152.600	
88	HL-01960	Phạm Trúc Định	NV bảo vệ	5.978.000	17	A	9.900	9.900.000			10	2.299.231						12.199.231	478.300	89.700	59.800		115.700	55.000	371.800					1.170.300	11.028.931	
89	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	10.512	10.512.000										10.512.000	423.300	79.400	53.000		99.600	55.000	114.400					824.700	9.687.300	
90	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	9.900	9.900.000										9.900.000	423.300	79.400	53.000		93.400	55.000	143.000					847.100	9.052.900	
91	HL-03938	Phạm Văn Giáp	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	27	A	9.653	9.653.000										9.653.000	423.300	79.400	53.000		91.000	55.000						701.700	8.951.300	
92	HL-05297	Đỗ Thế Trọng	NV bảo vệ	5.978.000	22	A	10.944	10.944.000			5	1.149.615						12.093.615	478.300	89.700	59.800		114.700	55.000						797.500	11.296.115	
93	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.291.000	27	A	6.591	6.591.000										6.591.000	423.300	79.400	53.000		60.400	55.000	114.400					785.500	5.805.500	
94	HL-03113	Nguyễn Văn Nhiều	NV bảo vệ	5.978.000	27	A	11.052	11.052.000										11.052.000	478.300	89.700	59.800		104.200	55.000	143.000					930.000	10.122.000	
95	HL-03808	Trịnh Văn Minh	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	27	A	9.570	9.570.000										9.570.000	423.300	79.400	53.000		90.100	55.000	143.000					843.800	8.726.200	
96	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiến	Bảo vệ cơ động	5.978.000	27	A	9.149	9.149.000										9.149.000	478.300	89.700	59.800		85.200	55.000	114.400					882.400	8.266.600	
Tổng cộng					2.256		794.056	905.544.000	140	30.811.349	115	29.429.972	40	15.950.000	286.431	3.054.500	4.412.283	989.488.535	45.460.800	8.527.000	5.687.100	89.670	9.237.400	5.225.000	3.975.400	2.035.355	8.757.200	3.306.400	520.000	92.821.325	896.667.210	

LẬP BIỂU

PHÒNG TCNS

KẾ TOÁN TRƯỞNG

P.GIÁM ĐỐC

Mã Thành Trung

Nguyễn Văn Thỏa

Đặng Thanh Lam

Phạm Văn Hùng

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 9 năm 2022